Phụ lục I

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH QUÍ I NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-TTLTLS ngày 15/4/2021 của Trung tâm Lưu trữ lịch sử)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quí I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quí I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**30,0**	**1,54**	**5,15%**	**-81,35%**
I	**Số thu phí, lệ phí**	**15**	**1,40**	**9,36%**	**-93,64%**
1	Lệ phí				
	Lệ phí…				
2	Phí khai thác tài liệu lưu trữ	15	1,40	9,36%	-93,64%
	Phí khai thác tài liệu lưu trữ	15	1,40	9,36%	-93,64%
	Phí …				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**13,5**	**0,00**	**0,00%**	**-66,70%**
1	Chi sự nghiệp	**13,5**	**0,00**	**0,00%**	**-66,70%**
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13,5	0,00	0,00%	-66,70%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**1,5**	**0,14**	**9,36%**	**-90,64%**
1	Lệ phí				
	Lệ phí…				
	Lệ phí…				
2	Phí khai thác tài liệu lưu trữ	1,5	0,14	9,36%	-90,64%
	Phí khai thác tài liệu lưu trữ	1,5	0,14	9,36%	-90,64%
	Phí …				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**1.720**	**305,33**	**17,75%**	**8,45%**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**1.720**	**305,33**	**17,75%**	**8,45%**
1	Chi quản lý hành chính	1.720	305,33	17,75%	8,45%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.020	280,01	27,45%	-0,15%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	700	25,32	3,62%	1,02%
II	**Nguồn vốn viện trợ**				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				

Phụ lục II

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quí I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quí I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**1.720**	**305,33**	**17,75%**	**8,45%**
1	**Chi quản lý hành chính**	**1.720**	**305,33**	**17,75%**	**8,45%**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.020	280,01	27,45%	-0,15%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	700	25,32	3,62%	1,02%
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Đào tạo khác trong nước				
	Khen thưởng ngành giáo dục				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	**Nguồn vốn viện trợ**				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				